



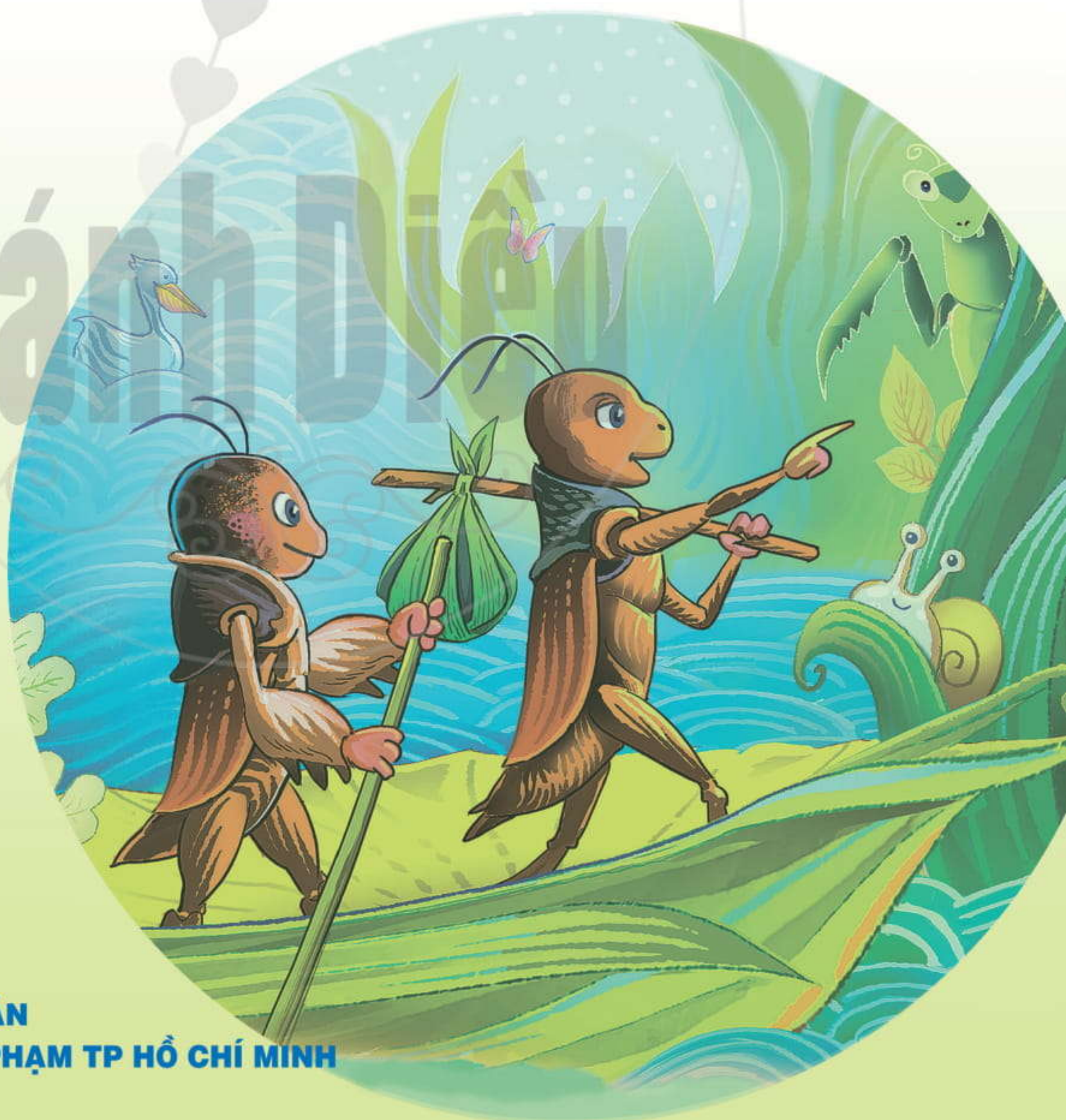
NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) - ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC - PHẠM THỊ THU HIỀN - NGUYỄN VĂN LỘC - TRẦN VĂN TOÀN

Ngữ văn

6

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC – PHẠM THỊ THU HIỀN
NGUYỄN VĂN LỘC – TRẦN VĂN TOÀN

Ngữ văn

6

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN

Canh Diều



**NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH**



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Cũng như các bài học khác, yêu cầu của bài học này hướng tới việc phát triển hai năng lực đặc thù của môn Ngữ văn là năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, đồng thời góp phần phát triển các phẩm chất và năng lực chung theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) tổng thể và Chương trình GDPT môn Ngữ văn (2018).

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

– Nhận biết được một số yếu tố hình thức (nhân vật, cốt truyện, người kể ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của truyện đồng thoại; truyện của Pu-skin và An-đéc-xen.

Yêu cầu này gắn liền với các bài học đọc hiểu văn bản truyện đồng thoại và truyện của Pu-skin, An-đéc-xen. Thông qua việc dạy học đọc hiểu những văn bản này, giáo viên (GV) cần giúp học sinh (HS) vừa hiểu, vận dụng được những kiến thức cơ bản về đặc trưng nội dung, hình thức của thể loại truyện (đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện); vừa biết được đặc điểm của truyện đồng thoại, truyện của Pu-skin, An-đéc-xen, cũng như cách đọc các kiểu văn bản này.

– Mở rộng được chủ ngữ trong viết và nói.

Đây là mục tiêu dạy tiếng Việt.

– Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.

Yêu cầu này là đích hướng tới của dạy học Viết, Nói và nghe.

2. Góp phần phát triển phẩm chất và năng lực chung

Bài học cũng góp phần phát triển phẩm chất và năng lực chung. Về phẩm chất, căn cứ vào nội dung các bài đọc hiểu, mục tiêu được xác định là: “Trân trọng những ước mơ đẹp đẽ và cảm thông với người có số phận bất hạnh; biết ân hận về những việc làm không đúng; không tham lam, bội bạc”, đây là những biểu hiện cụ thể của lòng nhân ái và sự trung thực – hai phẩm chất chung của HS Trung học cơ sở theo yêu cầu của Chương trình GDPT tổng thể (2018). Về năng lực chung,

bài học nhằm phát triển năng lực tự chủ và tự học, thể hiện ở khía cạnh tự chủ trong hành động và lời nói, tự điều chỉnh hành vi và suy nghĩ. Khía cạnh này liên quan trực tiếp đến biểu hiện thứ hai của năng lực tự chủ và tự học là “Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình” và chỉ báo mức độ dành cho HS Trung học cơ sở “Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi” (Chương trình GDPT tổng thể, 2018, tr. 44). Như vậy, với việc đạt được các yêu cầu trên, bài học sẽ góp phần phát triển các phẩm chất và năng lực chung cho HS theo quy định của Chương trình GDPT tổng thể 2018.

Đối với phần *Yêu cầu cần đạt*, GV lưu ý:

- Hướng dẫn HS tìm hiểu ở nhà trước khi đến lớp.
- Có thể đề nghị HS nêu lại một số yêu cầu phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học ở trên lớp trước khi học nội dung nào đó. Chẳng hạn, trước khi học đọc hiểu, GV có thể yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu cần đạt khi học phần này. Tương tự là phần *Thực hành tiếng Việt, Viết, Nói và nghe*.
- Gọi nhắc HS đối chiếu kết quả học tập với yêu cầu cần đạt sau mỗi phần học và sau khi học xong cả bài.

Tuỳ theo điều kiện dạy học, trình độ nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí cụ thể của HS,... ở từng địa phương, trường, lớp và dựa vào nội dung của bài, GV cũng có thể phát triển các yêu cầu khác, miễn là hợp lí, hiệu quả.

II. KIẾN THỨC NGỮ VĂN

Phần này cung cấp cho HS những tri thức nền cần thiết, có tính chất công cụ giúp HS trước hết hiểu và vận dụng vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong bài học, sau đó là những hoạt động học tập, hoạt động sống khác có liên quan.

Trong phần *Kiến thức ngữ văn*, nếu các tri thức về truyện đồng thoại, đề tài, chủ đề chủ yếu phục vụ cho các phần: dạy học đọc hiểu, viết và nói – nghe, thì mở rộng chủ ngữ vừa phục vụ giờ học tiếng Việt vừa hỗ trợ các hoạt động rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ trong bài học.

HS cần đọc và tìm hiểu phần này trước ở nhà. Để giúp HS hiểu và vận dụng được các tri thức Ngữ văn, GV lưu ý hướng dẫn HS:

- Trước khi đến lớp: Đọc, tóm tắt và nêu các câu hỏi hoặc những băn khoăn, thắc mắc về những kiến thức mà em chưa hiểu. Thậm chí, hướng dẫn HS kết nối tri thức Ngữ văn của bài học này với các kiến thức, văn bản đã học trước đó. Để thực hiện các công việc trên, GV có thể tạo ra các bài tập, các phiếu học tập để hướng dẫn HS học.

Ví dụ 1:

Kiến thức ngữ văn	Câu hỏi của em / Điều em chưa hiểu
Đề tài	
Chủ đề	
Truyện đồng thoại	
Mở rộng chủ ngữ	

Ví dụ 2:

[illegible]

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (trọng tâm)

Văn bản 1

Bài học đường đời đầu tiên

(TÔ HOÀI)

1. Lưu ý

– Đây là văn bản có trong sách *Ngữ văn 6* theo Chương trình GDPT môn Ngữ văn (2006). Bên cạnh việc hướng dẫn HS đọc hiểu giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản, GV cần chú ý rèn luyện cho HS kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện nói chung và truyện đồng thoại nói riêng.

– Ở văn bản này, GV chú ý hơn việc hướng dẫn HS đọc hiểu ý nghĩa và đặc sắc nghệ thuật của truyện thông qua việc phân tích nhân vật, nhất là nhân vật chính – Dế Mèn. Trong đó, tập trung phân tích, đánh giá cách nhà văn khắc họa, nhân hoá các con vật và cách sử dụng hình thức nhân vật kể chuyện (người kể ngôi thứ nhất) để giúp HS vừa hiểu được cái hay của văn bản truyện vừa học được cách quan sát, miêu tả các đối tượng cũng như cách kể chuyện.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Trước tiết học, cùng với việc hướng dẫn HS tìm hiểu *Yêu cầu cần đạt* và *Kiến thức ngữ văn* như gợi ý ở trên, GV cần yêu cầu HS: i) Đọc ý đầu tiên của mục 1. *Chuẩn bị* để nắm bắt các định hướng / cách thức đọc hiểu một văn bản truyện đồng thoại. Những câu hỏi trong sách giáo khoa (SGK) chính là những chỉ dẫn cho HS; ii) Tìm hiểu một số thông tin về tác giả và ghi lại các thông tin giúp ích cho việc đọc hiểu văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*; iii) Nhớ và ghi lại những trải nghiệm khi chơi với dế (nếu có), tìm hiểu và ghi lại những hiểu biết về loài động vật này. Đây là bước HS huy động những trải nghiệm trước lúc đọc và chuẩn bị những tri thức nền cần thiết cho việc đọc; iv) Đọc văn bản. Trước khi đọc từng đoạn, xem phần hướng dẫn bên phải để nắm được chỉ dẫn của sách (hoặc cũng có thể đọc xong từng đoạn thì xem phần chỉ dẫn tương ứng và thực hiện theo chỉ dẫn đó) để giúp việc đọc có trọng tâm, bước đầu giải mã văn bản và rèn luyện các thao tác, chiến thuật đọc. Tùy theo chỉ dẫn của SGK, có thể ghi ra vở những nội dung tiếp nhận được theo các chỉ dẫn đó. Chẳng hạn: Tương ứng với đọc phần 1, SGK chỉ dẫn “Hãy chú ý các chi tiết miêu tả Dế Mèn”. Mục đích của chỉ dẫn này là giúp HS chú ý các chi tiết nhà

văn đã sáng tạo ra để khắc hoạ nhân vật, đồng thời thấy được nét đặc sắc trong cách miêu tả nhân vật, nhờ đó có thể giúp ích cho việc đọc hiểu và viết bài văn miêu tả. Theo chỉ dẫn này, có thể ghi ra vở những chi tiết ấy, hay sử dụng sơ đồ tư duy với hình ảnh trung tâm là Dế Mèn để tái tạo lại, từ đó có sự hình dung đầy đủ và cụ thể về Dế Mèn. Trước khi đến lớp, tùy theo bối cảnh dạy học cụ thể, GV có thể yêu cầu hoặc không yêu cầu HS trả lời các câu hỏi đọc hiểu sau văn bản, tránh tình trạng HS phải chuẩn bị nhiều nội dung trước khi đến lớp.

Dưới đây là gợi ý các hoạt động học tập ở trên lớp.

Hoạt động 1. Khởi động

Mục tiêu của hoạt động này là thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Nội dung xoay quanh những kiến thức của bài học mới và những kiến thức HS đã học, đọc (nhân vật, Dế Mèn, truyện đồng thoại, lỗi lầm, sự ân hận,...).

Tùy từng bối cảnh dạy học, GV có thể lựa chọn một trong các cách sau hoặc sáng tạo những cách khác:

– Cách 1: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ô chữ. Các từ hàng ngang có thể là tên các nhân vật trong các truyện cổ tích hoặc đồng thoại mà HS đã học / đọc. Ô hàng dọc có thể là TÔ HOÀI hoặc DẾ MÈN,...

– Cách 2: GV tổ chức thi giữa các tổ / nhóm. Nội dung: Trong 2 phút, hãy liệt kê nhiều nhất có thể những nhân vật trong các tác phẩm văn học là các con vật đã được các nhà văn nhân hoá. Tổ / nhóm nào liệt kê được nhiều nhất, đúng nhất sẽ chiến thắng.

– Cách 3: Trò chơi đoán hình. Có 4 hình ảnh là 4 con vật, mỗi con vật là một nhân vật trong một tác phẩm văn học. Đoán đúng 1 hình thì 1 phần của bức tranh sẽ được mở ra. Mở hết được 4 hình sẽ là bức tranh về Dế Mèn.

– Cách 4: Mỗi tổ / nhóm sẽ thảo luận, lựa chọn một việc làm chưa đúng, đem lại hệ quả không tốt cho những người xung quanh và chia sẻ trước cả lớp. GV có thể nêu vấn đề cho các tổ / nhóm: Em đã từng gây ra (hoặc biết) một sai lầm nào mà hậu quả của nó không thể khắc phục được? Nếu được làm lại thì em (hoặc người đó) cần làm gì để việc đó không xảy ra?

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Mục tiêu của hoạt động này là giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản; hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc (hình dung, phán

đoán, liên hệ,...). Nội dung là những kiến thức cần thiết về thể loại truyện, cách đọc truyện đồng thoại, tác giả, tác phẩm.

GV có thể hướng dẫn HS theo cách thức sau:

– GV gọi một số HS trình bày phần *Kiến thức ngữ văn* có liên quan đến bài đọc hiểu (truyện đồng thoại, đề tài, chủ đề) và nêu những câu hỏi, băn khoăn. Trước khi giải đáp câu hỏi, băn khoăn của HS, GV nên khuyến khích những HS khác trả lời. GV nên nêu hoặc chốt lại khái niệm truyện đồng thoại cuối cùng để nối sang phần tiếp là cách thức đọc văn bản truyện đồng thoại như hướng dẫn trong ý đầu mục *Chuẩn bị*.

– GV có thể gọi HS trình bày lại ý đầu của mục *Chuẩn bị* trong SGK về cách thức đọc hiểu truyện đồng thoại.

– GV mời một số HS chia sẻ những thông tin tìm hiểu được về nhà văn Tô Hoài và tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu kí*. Dưới đây là một vài gợi ý để GV tham khảo, lựa chọn và chốt lại. Lưu ý: GV không cung cấp trước cho HS.

Nhà văn **Tô Hoài**, tên khai sinh là Nguyễn Sen, quê ở Hà Nội. Ông viết văn từ trước Cách mạng tháng Tám 1945 với số lượng tác phẩm rất phong phú, đa dạng, trong đó có nhiều truyện viết cho thiếu nhi. *Dế Mèn phiêu lưu kí* (1941) là tác phẩm nổi tiếng nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi. Truyện gồm mười chương, kể về những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn qua thế giới những loài vật nhỏ bé. Chương 1 kể về “bài học đường đời đầu tiên” của Dế Mèn. Chương 2 tới chương 9 kể về những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn, cùng người bạn đường là Dế Trũi. Chương 10 kể về việc Dế Mèn cùng Dế Trũi về nhà và nghỉ ngơi, dự tính cuộc phiêu lưu mới.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Mục tiêu của hoạt động 3 là giúp HS khám phá giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của truyện; hiểu được các khái niệm công cụ; rèn luyện các chiến thuật đọc (hình dung, phán đoán, liên hệ).

Sau đây là cách thức tiến hành:

– GV gọi một HS đọc lại toàn văn bản hoặc một số HS, mỗi HS đọc một đoạn đã được đánh số. Hoặc cũng có thể kiểm tra việc đọc ở nhà của HS bằng cách yêu cầu HS tóm tắt câu chuyện.

– Tùy vào hoàn cảnh dạy học cụ thể, GV có thể yêu cầu HS nêu phần dự đoán của các em như đã hướng dẫn trước khi đến lớp. Ở phần này, GV cần động viên HS để các em chia sẻ một cách thoải mái, vui vẻ; không phê bình, đánh giá; chủ yếu giúp HS thấy đọc văn cũng như một hành trình khám phá những bí ẩn của cuộc sống, như một trò chơi tinh thần, kích thích trí tò mò, rèn luyện kỹ năng phán đoán.

Điều này tựa như đoán diễn biến và kết cục của các bộ phim. Đoán đúng hay sai không quan trọng, miễn là suy đoán ấy có lí, logic.

– Gọi HS chia sẻ những nội dung tiếp nhận được theo các gợi ý đọc gắn với từng đoạn mà các em đã tiến hành ở nhà.

– Tổ chức tìm hiểu sâu nội dung và nghệ thuật của văn bản qua việc trả lời các câu hỏi đọc hiểu sau bài học. SGK đã nêu lên các câu hỏi cốt lõi nhằm giúp HS tìm hiểu, khám phá văn bản theo ba lớp: *a) hiểu; b) phân tích, nhận xét và c) mở rộng, nâng cao*. Các câu hỏi a) thường thể hiện yêu cầu hiểu về nội dung cụ thể cũng như ấn tượng khái quát về nội dung của văn bản. Các câu hỏi b) hướng vào việc tìm hiểu sâu hơn nội dung và hình thức văn bản. Các câu hỏi c) sẽ yêu cầu HS mở rộng, nâng cao bằng việc liên hệ, so sánh, kết nối các vấn đề của văn bản với cuộc sống và những trải nghiệm của HS. Vì thế, GV có thể dựa vào hệ thống câu hỏi cốt lõi của SGK để tổ chức các hoạt động tìm hiểu văn bản. Tùy điều kiện và ý tưởng dạy học, GV có thể sử dụng phối hợp các hình thức học tập: cá nhân, cặp đôi, nhóm, toàn lớp, kết hợp với các phương pháp dạy học như đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm,...; sử dụng phiếu học tập để HS làm trực tiếp trên phiếu,... Ví dụ: Với văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, GV có thể yêu cầu từng HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi 1, 2; làm việc cặp đôi (hoặc theo bàn) suy nghĩ, thảo luận các câu hỏi 3, 4; thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi 5, 6.

Dưới đây là gợi ý trả lời cho các câu hỏi trong SGK:

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Câu chuyện trên được kể bằng lời của nhân vật nào? Hãy chỉ ra các nhân vật tham gia vào câu chuyện.	– Truyện được kể bằng lời của nhân vật Dế Mèn. (Đây chính là người kể chuyện ngôi thứ nhất. Cách kể này khiến câu chuyện trở nên chân thực, sống động và gần gũi hơn vì được kể lại bởi chính người trong cuộc.). – Các nhân vật: Dế Mèn, Dế Choắt, chị Cốc.
Câu 2. Dế Mèn đã ân hận về việc gì? Hãy tóm tắt sự việc đó trong khoảng 3 dòng.	– Dế Mèn đã ân hận về việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thảm thương của Dế Choắt. – Có thể tóm tắt sự việc như sau: Dế Mèn dùng lời lẽ xúc phạm trêu chị Cốc. Chị Cốc rất tức giận, tưởng Dế Choắt trêu mình nên đã dùng mỏ đâm Dế Choắt. Dế Choắt bị trúng hai mỏ, quẹo xương sống, khóc thảm thiết, sau đó nằm thoi thóp và chết.

Câu 3. Dế Mèn đã có sự thay đổi về thái độ và tâm trạng như thế nào sau sự việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt? Vì sao có sự thay đổi ấy?	Trước đó, thái độ của Dế Mèn: coi thường và có phần tàn nhẫn đối với Dế Choắt (<i>Thôi, im cái điệu hát mưi dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!</i>); xác xược với chị Cốc (<i>Vật lông cái Cốc cho tao / Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn; Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè vỡ đầu mày ra cho nhỏ đi, nhỏ đến đâu thì mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu!</i>); hể hả vì trò đùa tai quái của mình (<i>Tôi chui tọt ngay vào hang, lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ. Bụng nghĩ thú vị...</i>). Nhưng sau đó, Dế Mèn thay đổi hoàn toàn về tâm trạng và thái độ: sợ hãi khi nghe tiếng chị Cốc mổ Dế Choắt (<i>Núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thin thít.</i>); bàng hoàng, ngỡ ngàng vì hậu quả không lường hết được (<i>Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn: Sao? Sao?</i>); hốt hoảng, lo sợ khi thấy Dế Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp (<i>Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng:...</i>); ân hận, ăn năn trước cái chết của Dế Choắt (<i>Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình.</i>). Sự thay đổi này bắt nguồn từ hậu quả nặng nề của việc trêu chị Cốc của Dế Mèn.
Câu 4. Từ các chi tiết “tự hoạ” về bản thân và lời lẽ, cách xưng hô, điệu bộ, giọng điệu, thái độ của Dế Mèn đối với Dế Choắt, chị Cốc, em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật này?	Tính cách của nhân vật Dế Mèn: kiêu căng, tự phụ, hống hách. Tính cách ấy được bộc lộ qua: – Những chi tiết “tự hoạ” của Dế Mèn về bản thân (Ví dụ: <i>Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tợn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai đáp lại.</i>). – Lời lẽ, cách xưng hô, điệu bộ, giọng điệu, thái độ của Dế Mèn đối với Dế Choắt (Ví dụ: <i>Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng tôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi cũng không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không hay Chưa nghe hết câu, tôi đã héch rằng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với bộ điệu khinh khỉnh, tôi mắng:</i>

	<i>Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dẽ nghe nhi! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!)</i>. – Lời lẽ, thái độ với chị Cốc (Ví dụ: <i>Vặt lông cái Cốc cho tao / Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn.</i>).
Câu 5. Ở cuối đoạn trích, sau khi chôn cất Dế Choắt, Dế Mèn đã “đứng lặng giờ lâu” và “nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”. Bài học đó là: không nên kiêu ngạo, hung hăng, nghịch ngợm tai quái mang tai vạ đến cho người khác và cho chính bản thân mình. Đây là bài học cho mỗi bạn HS trong cuộc sống và học tập hằng ngày, rất dễ xảy ra ở các bạn thanh thiếu niên vì các bạn còn ít tuổi, chưa có nhiều kinh nghiệm sống.	Ở cuối đoạn trích, sau khi chôn cất Dế Choắt, Dế Mèn đã “đứng lặng giờ lâu” và “nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”. Bài học đó là: không nên kiêu ngạo, hung hăng, nghịch ngợm tai quái mang tai vạ đến cho người khác và cho chính bản thân mình. Đây là bài học cho mỗi bạn HS trong cuộc sống và học tập hằng ngày, rất dễ xảy ra ở các bạn thanh thiếu niên vì các bạn còn ít tuổi, chưa có nhiều kinh nghiệm sống.
Câu 6. Nhà văn Tô Hoài từng chia sẻ: “Nhân vật trong truyện đồng thoại được nhân cách hoá trên cơ sở đảm bảo không thoát li sinh hoạt có thật của loài vật.”. Dựa vào những điều em biết về loài dế, hãy chỉ ra những điểm “có thật” như thế trong văn bản, đồng thời, phát hiện những chi tiết đã được nhà văn “nhân cách hoá”.	Trong văn bản, có nhiều chi tiết thể hiện đặc điểm và sinh hoạt có thật của loài dế. Ví dụ: đôi càng <i>mẫm bóng, cái vuốt ở chân, hai cái răng đen nhánh, chui tọt ngay vào hang...</i> Nhưng chủ yếu là các chi tiết đã được nhà văn “nhân cách hoá”. Ví dụ: <i>quát mấy chị Cào Cào; gheo anh Gọng Vó; héch răng lên, xì một hơi rõ dài, bộ điệu khinh khỉnh; lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ, bụng nghĩ thú vị; hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than; đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên;...</i>

Hoạt động 4. Tổng kết

Mục tiêu của hoạt động tổng kết là giúp HS khái quát hoá những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của truyện; hiểu rõ hơn về cách đọc văn bản truyện nói chung và truyện đồng thoại nói riêng.

Cách thức: GV có thể sử dụng sơ đồ tư duy ba nhánh hoặc sử dụng phiếu học tập với ba gợi ý để yêu cầu HS rút ra những đánh giá khái quát về nội dung, ý nghĩa; hình thức nghệ thuật của truyện và cách đọc văn bản truyện đồng thoại.

Yêu cầu cần đạt:

– Nội dung: Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* đem đến bài học về lối sống cho mỗi bạn trẻ: không được kiêu căng, hống hách, coi thường người khác, nghịch ngợm tai quái. Mỗi khi mắc lỗi, cần biết ân hận, sửa chữa lỗi lầm, rút ra bài học để tránh mắc lại.

– Nghệ thuật: Nhân vật là các con vật đã được nhân cách hoá, khắc hoạ một cách sống động qua ngoại hình, lời nói, điệu bộ,...; truyện sử dụng hình thức người kể chuyện ngôi thứ nhất cũng là nhân vật chính khiến câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực.

– Cách đọc văn bản truyện đồng thoại: Khi đọc truyện đồng thoại, việc đầu tiên là phải thấy được những sự việc được kể, nhất là những sự việc chính; kể đó, cần phải chỉ ra được những nhân vật là các loài vật đã được nhà văn miêu tả, trong số đó, nhân vật nổi bật nhất, xuất hiện xuyên suốt câu chuyện sẽ là nhân vật chính. Tiếp theo, cần đi sâu tìm hiểu hình dạng, điệu bộ, cử chỉ, ngôn ngữ, tính cách,... của các con vật được thể hiện trong truyện, xem chúng vừa giống loài vật ấy, vừa giống con người ở chỗ nào, từ đó phát hiện bài học mà truyện muốn thể hiện; cuối cùng, cần liên hệ bài học ấy với cuộc sống của bản thân em.

Văn bản 2

Ông lão đánh cá và con cá vàng

(A. X. PU-SKIN)

1. Lưu ý

Đây cũng là văn bản có trong sách *Ngữ văn 6* theo Chương trình GDPT môn Ngữ văn (2006). Khi dạy văn bản này, GV cần chú ý hơn việc hướng dẫn HS nhận diện, phân tích diễn biến các chi tiết và bối cảnh diễn ra các sự kiện để vừa đọc hiểu nội dung, ý nghĩa của truyện vừa thấy thêm các đặc điểm về thể loại truyện – kiến thức, công cụ quan trọng để hình thành, phát triển kĩ năng đọc hiểu truyện. Bên cạnh đó, GV nên quan tâm các chi tiết kì ảo để giúp HS thấy đặc điểm của kiểu truyện cổ tích (viết lại).

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

GV có thể hướng dẫn HS thực hiện phần chuẩn bị trước tiết học, bao gồm: i) Đọc mục *Chuẩn bị* để nắm được cách đọc hiểu văn bản truyện cổ tích viết lại; ii)

Tìm hiểu thông tin từ các nguồn khác nhau (sách báo, internet,...) về nhà văn A. X. Pu-skin và ghi lại thông tin cần chú ý về tác giả này; iii) Đọc văn bản, thực hiện các chỉ dẫn trong khi đọc (ô bên phải tương ứng với các phần).

GV tham khảo các hoạt động gợi ý sau để hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.

Hoạt động 1. Khởi động

GV có thể thực hiện một trong các cách sau hoặc sáng tạo những cách khác:

Cách 1: Thi giữa các nhóm trả lời nhanh 7 – 10 câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn về các khái niệm: truyện, chi tiết, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh, Pu-skin, tên một số truyện của Pu-skin,...

Cách 2: Thi kể diễn cảm về một câu chuyện mà em đã chứng kiến hoặc đọc, xem theo chủ đề: sự tham lam.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

– GV mời một số HS chia sẻ thông tin về nhà văn Pu-skin để các bạn trong lớp có thêm các tri thức phục vụ việc đọc.

– GV tổ chức cho HS đọc lại văn bản hoặc kiểm tra việc đọc ở nhà của HS rồi gọi một số HS chia sẻ các kết quả đọc theo các chỉ dẫn bên phải văn bản.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm để tìm hiểu sâu văn bản thông qua việc thảo luận, trả lời các câu hỏi đọc hiểu. Với câu 1, 2, 3: GV tổ chức cho các nhóm HS thi đọc hiểu. Câu 4, 5: GV tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm và đại diện nhóm chia sẻ trước cả lớp. Cụ thể:

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Hãy liệt kê ra vở những chi tiết thể hiện sự đòi hỏi, thái độ, hành động của vợ ông lão đánh cá; phản ứng của ông lão đánh cá và trạng thái của biển trong các phần 2, 3, 4, 5, 6 theo gợi ý.	HS thảo luận nhóm và điền các chi tiết thể hiện sự đòi hỏi, thái độ, hành động của vợ ông lão đánh cá, phản ứng của ông lão đánh cá và trạng thái của biển vào bảng theo mẫu trong SGK.

Câu 2. Từ bảng thống kê trên, em có nhận xét gì về tính cách của vợ ông lão đánh cá và ông lão đánh cá?	– HS tiếp tục thảo luận và theo hiệu lệnh của GV sẽ đồng loạt cử một đại diện lên bảng ghi nội dung nhận xét mà nhóm đã thống nhất về tính cách của ông lão đánh cá và vợ ông lão đánh cá. – GV chấp nhận tất cả nhận xét của HS nếu tính cách được đưa ra hợp lí. Chẳng hạn: ông lão là người không tham lam, nhẫn nhịn, nhu nhược; vợ ông lão là người tham lam, tệ bạc.
Câu 3. Cảnh biển trong mỗi lần ông lão ra gọi cá vàng thay đổi theo chiều hướng như thế nào? Theo em, sự thay đổi đó có ý nghĩa gì?	– GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự câu 2. – Cảnh biển trong mỗi lần ông lão ra gọi cá vàng tương ứng về mức độ với mỗi lần đòi hỏi của bà vợ: Bà vợ càng đòi hỏi nhiều hơn, càng quá quắt thì biển càng nổi sóng dữ dội; sau mỗi lần, mức độ dữ dội lại tăng lên. Những trạng thái ấy của biển thể hiện thái độ của nhà văn: không đồng tình với sự tham lam và những đòi hỏi quá quắt của những người như vợ ông lão.
Câu 4. Bài học em rút ra được từ câu chuyện này là gì?	HS nêu bài học rút ra và giải thích. Chẳng hạn: <i>tham thì thâm, được voi đòi tiên,...</i>
Câu 5. Hãy nêu một điểm giống, một điểm khác nhau nổi bật của truyện <i>Ông lão đánh cá và con cá vàng</i> (Pu-skin) và truyện cổ tích dân gian (Gợi ý: tìm điểm giống và khác về tác giả; yếu tố hoang đường, kì ảo; kiểu nhân vật;...).	HS dựa vào phần <i>Kiến thức ngữ văn</i> và hiểu biết về truyện cổ tích dân gian để trả lời. Chẳng hạn: – Truyện có lối kết thúc theo mô típ nhân quả thường thấy trong các truyện cổ tích. – Truyện có yếu tố kì ảo, không có thật. – Truyện gửi gắm những bài học về lẽ sống, cách ứng xử.

Hoạt động 4. Tổng kết

GV có thể sử dụng phương pháp phát vấn hoặc sơ đồ,... để hướng dẫn HS tổng kết về nội dung, nghệ thuật, đặc biệt là cách đọc hiểu truyện cổ tích viết lại: việc đọc hiểu các truyện cổ tích viết lại đòi hỏi phải đọc văn bản, nắm được nội dung câu chuyện, bối cảnh (thời gian, địa điểm) các sự kiện diễn ra, nhận diện các nhân vật, phân tích các chi tiết khắc họa nhân vật chính, chỉ ra được các chi tiết kì ảo và tác dụng của những chi tiết này, suy nghĩ về ý nghĩa của truyện và bài học được rút ra.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Lưu ý

1.1. Yêu cầu chung

Phần *Thực hành tiếng Việt* ở bài này gồm hai nội dung: *Từ ngữ* và *Mở rộng chủ ngữ bằng cụm từ*.

Đối với nội dung thứ nhất, GV cần lưu ý giúp HS nhận thức, phân tích được sự sáng tạo trong cách sử dụng từ ngữ (từ ghép, thành ngữ) của nhà văn Tô Hoài nhằm miêu tả chân thực, sinh động sự vật được đề cập trong văn bản.

Đối với nội dung thứ hai, GV cần cho HS thấy chủ ngữ là thành phần câu đã được học ở Tiểu học. Đến lớp 6, chủ ngữ được học sâu hơn nhưng vẫn chủ yếu theo hướng thực hành. Vì vậy, khi dạy về nội dung mở rộng chủ ngữ bằng cụm từ, GV không đi sâu vào lí thuyết mà tập trung vào việc rèn luyện cho HS các kĩ năng thực hành về mở rộng chủ ngữ.

Theo hướng tích hợp giữa ngôn ngữ và văn học, các bài tập về mở rộng chủ ngữ đều dựa vào ngữ liệu được rút ra từ các tác phẩm văn học, trong đó chủ yếu là các tác phẩm được học ở lớp 6. Qua hoạt động thực hành, GV cần hướng dẫn HS phân tích làm rõ tác dụng của mở rộng chủ ngữ đối với việc thể hiện ý nghĩa của câu và nội dung của văn bản; từ đó, giúp HS có kĩ năng vận dụng vào nói, viết đạt hiệu quả cao.

1.2. Yêu cầu cụ thể

Qua hệ thống bài tập thực hành về từ ngữ và mở rộng chủ ngữ, GV cần giúp HS đạt được các kĩ năng cụ thể sau:

- a) Kĩ năng xác định từ ghép, từ láy.
- b) Kĩ năng phân tích, chỉ ra ý nghĩa, tác dụng của các từ ghép và thành ngữ (là sự sáng tạo của nhà văn Tô Hoài).
- c) Kĩ năng xác định chủ ngữ là cụm danh từ (chủ ngữ mở rộng).
- d) Kĩ năng phân tích cụm danh từ là chủ ngữ mở rộng: xác định được thành tố trung tâm, các thành tố phụ và nêu được tác dụng của việc mở rộng chủ ngữ.
- e) Kĩ năng mở rộng chủ ngữ bằng cụm từ trong thực hành viết một đoạn văn.

Hệ thống bài tập gồm 6 bài (trong đó có 3 bài về từ ngữ và 3 bài về mở rộng chủ ngữ).

Bài tập 1 yêu cầu HS xác định từ ghép, từ láy trong dãy từ đã cho. Bài tập này không khó nên HS có thể làm việc độc lập để thực hiện.

Bài tập 2 yêu cầu HS hình dung về ngoại hình nhân vật Dế Mèn qua các từ *mầm bóng, hủn hoẳn*. GV có thể cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện bài tập này. (Mỗi nhóm đưa ra sự hình dung của nhóm mình.)

Bài tập 3 yêu cầu HS chỉ ra sự khác biệt giữa các thành ngữ đã có (*chết thảng cẳng, vái cả hai tay*) và các thành ngữ là sự sáng tạo của Tô Hoài (*chết ngay đuôi, vái cả sáu tay*); đồng thời, chỉ ra các thành ngữ phù hợp hơn để nói về loài dế. HS có thể làm việc độc lập để thực hiện bài tập này.

Bài tập 4 yêu cầu HS xác định chủ ngữ là cụm danh từ. Bài tập này giúp HS có kỹ năng nhận biết chủ ngữ mở rộng. HS có thể làm việc độc lập để thực hiện bài tập này.

Bài tập 5 yêu cầu HS phân tích các cụm danh từ là chủ ngữ mở rộng ở Bài tập 4 (xác định danh từ trung tâm, các thành tố phụ) và nêu tác dụng của việc mở rộng chủ ngữ. Bài tập này giúp HS đạt được kỹ năng quan trọng là phân tích làm rõ cấu tạo của chủ ngữ mở rộng là cụm danh từ và vai trò ngữ nghĩa của các thành tố phụ được dùng để mở rộng chủ ngữ. Bài tập này tương đối khó nên GV cần hướng dẫn HS thực hiện bằng hình thức làm việc theo nhóm.

Bài tập 6 yêu cầu HS viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ về một nhân vật trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* hoặc *Ông lão đánh cá và con cá vàng*, trong đó có sử dụng chủ ngữ là cụm từ và xác định chủ ngữ là cụm từ trong đoạn văn đó.

2. Gợi ý tổ chức dạy thực hành tiếng Việt

Hoạt động 1. Phân loại từ phức, phân tích các từ, thành ngữ

Hoạt động này được thực hiện qua các bài tập từ 1 đến 3.

Bài tập 1. GV hướng dẫn HS xếp các từ phức đã cho vào hai nhóm – từ ghép, từ láy:

– Từ ghép: *mầm bóng, lợi hại*.

– Từ láy: *hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã*.

Bài tập 2. GV hướng dẫn HS hình dung ngoại hình của nhân vật Dế Mèn qua các từ *mầm bóng, hủn hoẳn*:

Qua nghĩa của các từ: *mắm bóng* (chỉ đôi càng rất mập và nhẵn đến mức phản chiếu ánh sáng như mặt gương), *hủn hoẳn* (chỉ đôi cánh quá ngắn), có thể hình dung nhân vật Đế Mèn là một chàng đế đang độ phát triển (cánh quá ngắn không che nổi thân mình) có thân thể rất cường tráng (với đôi càng mập mập, chắc khỏe).

Bài tập 3. GV hướng dẫn HS thực hiện hai yêu cầu:

– Chỉ ra điểm khác nhau giữa các thành ngữ đã có (*chết thẳng cẳng, vãi cả hai tay*) và các thành ngữ được Tô Hoài sáng tạo (*chết ngay đuôi, vãi cả sáu tay*): Sự khác nhau là ở chỗ tác giả đã thay các từ *thẳng cẳng* bằng *ngay đuôi*, và *hai* bằng *sáu*.

– Xác định các thành ngữ phù hợp để nói về loài dế: Các thành ngữ phù hợp là các thành ngữ được Tô Hoài sáng tạo (vì loài dế có *đuôi* và có đến *sáu* chi).

Hoạt động 2. Nhắc lại các tri thức cơ bản về chủ ngữ

GV có thể mở đầu bằng việc dẫn lại câu có chủ ngữ mở rộng (đã nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn*): “*Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*”; qua đó, phân tích để HS hiểu được sơ bộ về chủ ngữ mở rộng (có cấu tạo là cụm danh từ). Sau đó, GV hướng dẫn HS nhắc lại khái niệm về chủ ngữ, chủ ngữ mở rộng và tác dụng của việc mở rộng chủ ngữ đã nêu trong phần *Kiến thức ngữ văn*. Cụ thể:

– Chủ ngữ là một trong hai thành phần chính của câu, chỉ sự vật, hiện tượng có hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở vị ngữ.

– Chủ ngữ thường được biểu hiện bằng danh từ (cụm danh từ), đại từ và trả lời cho các câu hỏi *Ai?*, *Con gì?*, *Cái gì?*.

– Mở rộng chủ ngữ là thêm cho thành tố trung tâm làm chủ ngữ các thành tố phụ nhằm làm cho ý nghĩa của câu được đầy đủ, phù hợp với ngữ cảnh hơn, với mục đích nói (viết) hơn.

Hoạt động 3. Xác định, phân tích chủ ngữ là cụm danh từ

Hoạt động này được thực hiện qua các bài tập 4, 5.

Bài tập 4. GV hướng dẫn HS tìm chủ ngữ là cụm danh từ:

Các chủ ngữ là cụm danh từ: *những cái vuốt ở chân, ở khoeo; những gã xốc nổi; hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi; rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng.*

Bài tập 5. GV hướng dẫn HS lần lượt thực hiện các yêu cầu:

– Phân tích cụm danh từ là chủ ngữ ở Bài tập 4:

+ Xác định danh từ trung tâm: *cái vuốt, gã, ngọn nến, bức tranh.*

+ Xác định các thành tố phụ:

- Các thành tố phụ đứng trước trung tâm (chỉ số lượng): *những, hàng ngàn, rất nhiều.*

- Các thành tố phụ đứng sau trung tâm (chỉ vị trí, đặc điểm, tính chất): *ở chân, ở khoeo, xóc nổi, sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi; màu sắc rực rỡ như những bức bầy trong các tủ hàng.*

– Nêu tác dụng của việc mở rộng chủ ngữ: Các thành tố phụ làm cho ý nghĩa của danh từ trung tâm và nghĩa của câu cụ thể, đầy đủ hơn, phù hợp với ngữ cảnh, với mục đích giao tiếp hơn. Chẳng hạn, ở những câu 4a), 4b), nếu lược bỏ các thành tố phụ ở trước trung tâm (*những*) và ở sau trung tâm (*ở chân, ở khoeo, xóc nổi*), những câu nhận được sẽ có nghĩa khác hẳn và không biểu thị được nội dung mà tác giả muốn truyền đạt. Ở câu 4c), các định ngữ chỉ số lượng *hàng ngàn, rất nhiều* được dùng phối hợp với các định ngữ đứng sau trung tâm (*sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi, màu sắc rực rỡ,...*) có tác dụng diễn tả *khung cảnh hết sức kì ảo, rực rỡ* hiện ra trong trí tưởng tượng của em bé bán diêm.

Hoạt động 4. Thực hành về mở rộng chủ ngữ

Bài tập 6. GV hướng dẫn HS viết đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ về một nhân vật trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* (hoặc *Ông lão đánh cá và con cá vàng*), trong đó có sử dụng chủ ngữ là cụm danh từ và xác định chủ ngữ là cụm danh từ trong đoạn văn đó.

Ví dụ: “Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* của nhà văn Tô Hoài. Văn bản này kể về một chặng đường đời đáng nhớ của nhân vật Dế Mèn qua lời tự thuật của chính nhân vật này. Là một chàng dế thanh niên cường tráng, Dế Mèn luôn hãnh diện về vóc dáng, sức mạnh của mình. Những hành động của Dế Mèn cho thấy anh chàng dế này rất bông bột, xóc nổi. Sai lầm lớn nhất của Dế Mèn là hành động trêu ghẹo chị Cốc dẫn đến cái chết đáng thương của Dế Choắt. Sau hành động dại dột, tệ hại đó, Dế Mèn đã ân hận và rút ra được bài học đường đời đầu tiên cho mình. Bài học của Dế Mèn cũng là bài học chung của tuổi trẻ bông bột, xóc nổi.”.

Chỉ ra các chủ ngữ là cụm danh từ: Đoạn văn trên có 7 câu; trong đó, trừ câu thứ 6 có chủ ngữ là danh từ (Dế Mèn), những câu còn lại đều có chủ ngữ là cụm danh từ.

V. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Văn bản

Cô bé bán diêm

(H. C. AN-ĐÉC-XEN)

1. Lưu ý

Mục tiêu của phần *Thực hành đọc hiểu* ở bài học này là giúp HS: i) củng cố kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện đã được hình thành qua các bài học chính trước đó; ii) nắm chắc những tri thức đọc hiểu có quan hệ mật thiết với việc đọc hiểu các văn bản truyện như đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật. Đúng như tên gọi của phần này, GV cần dành nhiều thời gian cho các hoạt động tự lực của HS trong thực hành đọc văn bản truyện và báo cáo kết quả; trên cơ sở đó, trao đổi, giải đáp, chỉnh sửa (nếu có) để HS đọc hiểu văn bản một cách hiệu quả. Hoạt động đọc thực hành có thể được tiến hành linh hoạt theo hình thức đọc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; có thể trả lời hết hoặc chỉ một số câu hỏi quan trọng. Tùy theo thời gian, dung lượng văn bản, GV có thể hướng dẫn HS tập trung phân tích sâu vào một số đoạn để HS tiếp tục củng cố kỹ năng đọc hiểu truyện đồng thoại và truyện cổ tích viết lại.

2. Gợi ý tổ chức dạy thực hành đọc hiểu

Hoạt động 1. Khởi động

GV có thể tổ chức trò chơi ô chữ, ghép hình,... kết hợp ôn tập về nhân vật, cách thức phân tích nhân vật. Sau trò chơi, GV lưu ý các em một số nội dung: Để đọc hiểu nhân vật, cần tìm và tái hiện lại các chi tiết miêu tả nhân vật (ngoại hình, trang phục, hành động, tâm trạng, ngôn ngữ,...); những chi tiết ấy cho biết điều gì về cuộc sống, số phận, tính cách nhân vật; qua số phận, tính cách nhân vật, truyện thể hiện ý nghĩa, bài học nào.

Hoạt động 2. Đọc và kiểm tra việc đọc văn bản của HS

- GV có thể gọi một hoặc một số HS đọc văn bản hoặc yêu cầu HS tóm tắt truyện.
- GV gọi một số HS chia sẻ những kết quả đọc ban đầu theo các chỉ dẫn của SGK ở bên phải văn bản.

– GV gọi HS chia sẻ những kiến thức đã tìm hiểu được về tác giả An-đéc-xen và truyện An-đéc-xen. Dưới đây là một số kiến thức GV có thể lựa chọn để lưu ý HS nắm bắt nhưng không cung cấp sẵn cho các em:

H. C. An-đéc-xen (1805 – 1875) là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với loại truyện kể cho trẻ em. Một số truyện được An-đéc-xen biên soạn lại từ truyện cổ tích, một số khác do ông sáng tác. Ấn bản thứ ba của *Truyện cổ An-đéc-xen*, được xuất bản năm 1837, đã mang đến nhiều tác phẩm cổ tích nổi tiếng nhất của ông như *Nàng tiên cá*, *Bộ quần áo mới của hoàng đế*, *Chú vịt con xấu xí*,... Phong cách sáng tác của An-đéc-xen: giản dị, đan xen giữa mộng tưởng và hiện thực.

Theo nhà văn Nguyễn Tuân, truyện ngắn An-đéc-xen “không nghịch ngợm hoặc đom đàng như truyện kể của Pê-ron (Péron) nước Pháp, nó cũng không kì quái huyền ảo như truyện của nhà văn lãng mạn Đức mà nó dung dị, đậm ý vị thơ,... Đúng như lời nhà phê bình Nga Bi-ê-lin-xki (Bielinxki) đã nói về truyện thiếu nhi: “Sáng tác đi, viết cho thiếu nhi, nhưng phải viết thế nào để cả những người đứng tuổi cũng đọc và thấy thú vị”. Một em nhỏ nào đã đọc qua truyện ngắn An-đéc-xen thì trọn đời không khi nào quên và dừng dừng với thơ ca, mộng ước, tình thương yêu và lòng công bằng,... Lớn dần lên, tưởng tượng dồi dào hơn, bạn đọc sẽ thấy nhân vật là những người cố gắng vượt khó để tiến gần công lí và nhích mãi tới chân lí.”. (*Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tập 3, NXB Văn học, trang 385 – 386)

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

– GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi, bài tập đọc hiểu sau văn bản. Có thể theo các gợi ý sau:

+ Câu 1, 2, 3: GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận, ghi phân trả lời vào giấy A0 để trình bày.

+ Câu 4, 5: HS có thể tiếp tục làm việc theo nhóm hoặc theo hình thức cặp đôi.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện cho biết điều gì về cảnh ngộ của em bé?	Nhà văn đã miêu tả bối cảnh (thời gian, không gian) diễn ra câu chuyện: <i>Đêm giao thừa, trời rét mướt; cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay; em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùi vào chút ít; trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười.</i>

	<i>Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa; ngày mùng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm. Những chi tiết này giúp ta hiểu được phần nào về cảnh ngộ nghèo khổ, đáng thương của cô bé bán diêm.</i>
Câu 2. Hãy tìm những chi tiết hiện thực và mộng ảo mà nhà văn đã sáng tạo ra để khắc hoạ hoàn cảnh và mơ ước của cô bé bán diêm. Qua đó, em có nhận xét gì về nhân vật này?	Nhân vật cô bé bán diêm trong truyện đã được tác giả khắc hoạ thông qua: i) những chi tiết hiện thực: <i>Một cô bé bán diêm nhà nghèo, mồ côi mẹ, đầu trần, chân đất, bụng đói, đang dò dẫm trong bóng tối. Suốt cả ngày em không bán được bao diêm nào; gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa; em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lù vào chút ít; em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn; Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa; ngày mùng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm;...; ii) những chi tiết mộng ảo: <i>Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng... Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng; em quẹt que diêm thứ hai... Bức tường như biến thành một tấm rèm bằng vải màu. Em nhìn thấu tận trong nhà. Bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa bằng sứ quý giá...; em quẹt que diêm thứ ba. Bỗng em thấy hiện ra một cây thông Nô-en...; Em quẹt một que diêm nữa vào tường, một ánh sáng xanh toả ra xung quanh và em bé nhìn thấy rõ ràng là bà em đang mỉm cười với em;...</i></i> Những chi tiết này đã góp phần khắc hoạ cuộc sống nghèo khổ, kém may mắn và ước mơ về cuộc sống no đủ, tràn đầy tình yêu thương của cô bé bán diêm.
Câu 3. Theo em, ý nghĩa của câu chuyện trên là gì?	HS có thể nêu các ý nghĩa khác nhau của truyện, miễn là hợp lí. Ví dụ: Truyện gửi gắm thông điệp về lòng nhân ái, mỗi người cần biết cảm thông, thương xót, sẻ chia với những số phận nghèo khổ, kém may mắn trong cuộc sống; mỗi bạn nhỏ cần phải nuôi dưỡng những ước mơ tốt đẹp;...

Câu 4. Em hãy tìm một số chi tiết trong văn bản để chứng tỏ truyện <i>Cô bé bán diêm</i> có đặc điểm của truyện cổ tích (Gợi ý: kiểu nhân vật, cách kết thúc truyện, ý nghĩa,...).	Một số chi tiết cho thấy truyện <i>Cô bé bán diêm</i> mang đặc điểm của truyện cổ tích: chi tiết mộng ảo (Ví dụ: <i>Em quẹt que diêm thứ hai... Bức tường như biến thành một tấm rèm bằng vải màu; em quẹt một que diêm nữa vào tường, một ánh sáng xanh toả ra xung quanh và em bé nhìn thấy rõ ràng là bà em đang mỉm cười với em,...</i>); kiểu nhân vật bất hạnh, nhỏ bé, nghèo khổ (cô bé bán diêm); kết thúc truyện tươi sáng (truyện không kết thúc bằng chi tiết “em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa” mà khép lại bằng cảnh tượng “ngày mùng một đầu năm” và “những điều kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm”); truyện gửi gắm ước mơ về cuộc sống tươi đẹp, hạnh phúc cho con người, trong đó có trẻ em.
Câu 5. Cảnh ngộ đau khổ và cái chết của cô bé bán diêm gợi cho em liên tưởng đến những bạn nhỏ bất hạnh hoặc kém may mắn nào trong cuộc sống? Hãy nêu một việc tốt mà em có thể làm để giúp đỡ những bạn ấy.	Qua cảnh ngộ đau khổ và cái chết của cô bé bán diêm, HS liên tưởng và kể về một bạn nhỏ kém may mắn nào đó trong cuộc sống xung quanh hoặc biết qua các phương tiện truyền thông. Từ đó, nêu một việc tốt cụ thể, hợp lí, vừa sức để giúp đỡ những số phận ấy.

Nếu có thời gian, GV tiến hành thêm *Hoạt động 4. Tổng kết* như tiết đọc hiểu văn bản chính.

VI. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN VIẾT

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ

1. Lưu ý

Bài học này giúp HS biết cách viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ. Trải nghiệm được hiểu là trực tiếp trải qua một sự việc, sự kiện, hoạt động,

tình huống,... mà qua đó bản thân rút ra được những kinh nghiệm hoặc bài học bổ ích. Ở bài học này, HS sẽ sử dụng ngôi kể thứ nhất để kể về một trải nghiệm của mình. Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng khi kể chuyện. Khi người kể là một nhân vật tham gia vào câu chuyện, xưng “tôi” và kể lại theo điểm nhìn của mình thì đó là kể theo ngôi thứ nhất.

Để dạy nội dung này, GV cần chú ý khai thác ngữ liệu phần đọc hiểu (văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*) và những trải nghiệm trong cuộc sống hằng ngày của mỗi HS; cần khuyến khích và tạo cơ hội để HS được thể hiện một cách tự nhiên, chân thực những người đã gặp, những cảnh sống đã qua, những tình cảm, cảm xúc đã có, những bài học đã thu nhận; tránh sáo rỗng, bịa đặt, thiếu trung thực; tránh sao chép người khác.

Theo quan điểm dạy học tích hợp, phần dạy viết này không chỉ kết nối với bài học đọc hiểu truyện đồng thoại mà còn phải gắn kết với nội dung học tiếng Việt theo hướng thực hành vận dụng. Cho nên, khi chuẩn bị cũng như viết bài văn, GV lưu ý HS sử dụng câu mở rộng thành phần chủ ngữ.

Bài học viết trong SGK gồm hai mục:

– Mục *Định hướng* nêu cách thức chi tiết để tiến hành viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ, kèm theo mỗi bước, mỗi thao tác là một ví dụ cụ thể gắn với ngữ liệu đọc hiểu mà HS vừa học. Mục này được viết theo hướng để HS có thể tự học, tự thực hiện theo chỉ dẫn, vì thế, GV cần phát huy vai trò chủ động, tích cực và khả năng tự học của HS.

– Mục *Thực hành* nêu các bài tập để HS luyện tập trên cơ sở vận dụng nội dung lí thuyết đã học ở mục *Định hướng*.

2. Gợi ý tổ chức dạy viết

Hoạt động 1. Định hướng

Trước tiên, GV tổ chức khởi động cho tiết học. Ở hoạt động này, ngoài việc thu hút sự chú ý của HS, GV cần lưu ý khai thác được vốn sống, kinh nghiệm viết mà HS đã biết hoặc đã được học ở Tiểu học. Đặc biệt, GV cần khơi gợi tình huống thực tế để giúp HS hiểu ý nghĩa, tác dụng, sự cần thiết của nội dung học viết. Chẳng hạn, GV dẫn dắt và nêu vấn đề: Trong cuộc sống, đôi lúc, do nhu cầu của bản thân hoặc theo yêu cầu của những người xung quanh, chúng ta phải kể lại một trải nghiệm nào đó của mình bằng một bài viết. Nếu ở vào tình huống đó, em sẽ viết như thế nào?

Sau đó, dựa vào mục *Định hướng* trong SGK, GV hướng dẫn HS lần lượt tìm hiểu các mục bằng cách yêu cầu HS đọc SGK và trình bày nhận thức của bản thân. Tùy theo trình độ của HS, GV có thể giảng giải thêm hoặc yêu cầu HS tìm các ví dụ khác tương tự để HS nắm chắc lí thuyết.

Hoạt động 2. Thực hành

GV hướng dẫn HS thực hành theo nội dung trong SGK.

Tùy theo trình độ của HS, trước khi HS viết, GV có thể tổ chức cho HS phân tích văn bản mẫu để HS có thể hình dung rõ hơn về sản phẩm phải làm. Để việc phân tích này có hiệu quả, GV có thể sử dụng phiếu học tập theo gợi ý sau:

Học sinh:
Lớp:

PHIẾU PHÂN TÍCH VĂN BẢN MẪU

Văn bản	Nhận xét của em
.....	Ví dụ: + Bố cục của bài viết + Nội dung của bài viết + Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản + Ngôn ngữ: yêu cầu sử dụng câu mở rộng thành phần chủ ngữ bằng cụm từ chính phụ

Sau khi HS viết xong, GV tổ chức cho HS xem xét, chỉnh sửa lại bài viết. Đây là một phần việc cần thiết, không chỉ giúp HS hoàn chỉnh bài văn mà quan trọng hơn giúp các em tự đánh giá sản phẩm của mình, tự nhận biết sai sót, hạn chế để từ đó chỉnh sửa và không bị mắc lỗi trong các hoạt động tương tự. Bản thảo của những lần chỉnh sửa và hoàn thiện này đều là minh chứng của việc đánh giá quá trình

học tập của HS bên cạnh đánh giá kết quả cuối cùng. Để giúp các em tự thực hiện công việc này, GV có thể tham khảo phiếu hướng dẫn chỉnh sửa sau:

PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT	
Nhiệm vụ: Em hãy rà soát lại bài viết theo những câu hỏi ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.	
Câu hỏi đánh giá	Gợi ý chỉnh sửa bài viết
Ví dụ: 1. Phần mở bài đã giới thiệu ngắn gọn về trải nghiệm mà em muốn kể chưa?	Ví dụ: – Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. – Nếu chưa, viết thêm 1 – 2 câu giới thiệu về trải nghiệm ở phần cuối của mở bài.
2. Bài viết đã sử dụng câu mở rộng chủ ngữ chưa?	– Nếu có, hãy xem câu ấy ở vị trí nào, có bao nhiêu câu. Dùng bút chì gạch dưới những câu văn đó. – Nếu chưa, hãy đọc lại các câu xem câu nào nên bổ sung, mở rộng thành phần cho chủ ngữ để thông tin đầy đủ, phong phú và ấn tượng hơn. Từ đó, đánh dấu chỗ cần mở rộng và ghi các từ ngữ bổ sung ở bên lề tương ứng với dòng có câu văn ấy.

GV hướng dẫn HS tiếp tục làm bài tập 2 trên lớp hoặc ở nhà tùy theo kế hoạch và điều kiện dạy học cụ thể.

VII. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN NÓI VÀ NGHE

Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ

1. Lưu ý

Như đúng tên gọi *Nói và nghe*, HS cần được rèn luyện cả kỹ năng nói và kỹ năng nghe, do đó, GV cần chú ý cả hai kỹ năng này trong quá trình dạy học, tránh tập trung vào việc chỉ rèn luyện kỹ năng nói mà bỏ qua các thao tác hướng dẫn HS học cách lắng nghe một cách hiệu quả.

Phần dạy học nói và nghe này được tích hợp với phần dạy học viết trước đó, thể hiện ở nội dung kể lại trải nghiệm đáng nhớ (phần viết dạy viết bài văn kể lại một

trải nghiệm, phần nói dạy kể miệng về trải nghiệm); mặt khác, nội dung của bài viết sẽ được kế thừa, chuyển đổi sang bài nói, thành vật liệu cho hoạt động nói. Để tránh nhầm lẫn giữa văn nói và văn viết, SGK đã hướng dẫn HS cách thức chuyển hoá và thực hành việc nói theo các yêu cầu của kĩ năng nói.

Bài học trong SGK gồm hai mục:

– Mục *Định hướng* chỉ dẫn HS các thao tác cần tiến hành để chuẩn bị cho hoạt động kể về một trải nghiệm của bản thân và các bước tiến hành hoạt động kể trong nhóm hoặc trước cả lớp. Trong phần chuẩn bị, GV lưu ý HS xác định giọng kể, ngữ điệu kể cho từng đoạn tùy theo nội dung của mỗi đoạn. Để làm việc này, cần hướng dẫn các em sử dụng bảng như dưới đây hoặc các ghi chú bên lề để xác định giọng kể, ngữ điệu kể, làm căn cứ tập kể diễn cảm, tránh kể như đọc thuộc lòng.

GIỌNG KỂ	NỘI DUNG BÀI VIẾT	ĐIỀU BỘ, CỬ CHỈ
	(Mở đầu).....	
Ví dụ: Vui tươi, hài hước	(Thân bài) Đoạn 1:.....	Ví dụ: Nheo mắt tinh nghịch;...
.....	Đoạn 2:.....	
.....		
.....	(Kết bài).....	

Ngoài ra, GV cần hướng dẫn HS các thao tác nghe kể, bao gồm: i) tập trung nghe bạn kể; không làm việc riêng hoặc nghĩ về chuyện khác; ii) ghi nhanh những thông tin chính mà mình nghe được ra giấy nháp.

– Mục *Thực hành* là các yêu cầu luyện tập để củng cố kĩ năng kể và nghe kể đã tiến hành trước đó.

2. Gợi ý tổ chức dạy nói và nghe

Hoạt động 1. Định hướng

Trước tiên, GV tổ chức khởi động tiết học. Tham khảo các cách sau:

– Cách 1: GV có thể tiến hành bằng cách cho HS xem và nhận xét về nội dung, cách thức kể chuyện trong một video clip, từ đó, nêu vấn đề: Làm thế nào để kể

câu chuyện của mình cho người khác nghe một cách hấp dẫn? HS có thể nêu các ý kiến khác nhau, GV không phê phán, kết luận mà dẫn dắt HS vào bài học theo hướng: Bài học này sẽ giúp các em tìm được câu trả lời cho câu hỏi trên.

– Cách 2: Cho HS theo dõi một video clip kể chuyện hoặc một video thuyết trình nhưng để HS nghe một cách tự nhiên, để xem HS có biết cách tập trung khi nghe và ghi chép không. Sau đó, GV nêu yêu cầu nhắc lại các chi tiết để HS thấy sự cần thiết của việc lắng nghe có hiệu quả. Ở những nơi không có điều kiện, GV có thể trực tiếp kể câu chuyện của chính mình hoặc chuyện mà mình đã chứng kiến.

Sau đó, GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục *Định hướng*:

– GV yêu cầu HS đọc nội dung mục *Định hướng*, rồi nhắc lại các yêu cầu mà SGK đã hướng dẫn hoặc nêu các thắc mắc, câu hỏi.

– GV tổ chức lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tiến hành hoạt động kể và nghe kể trong nhóm như SGK đã hướng dẫn.

Nếu có thời gian, GV có thể tổ chức thi giữa các nhóm trên cơ sở mỗi nhóm sẽ chọn ra một bạn xuất sắc nhất, đại diện nhóm để kể trước cả lớp.

Hoạt động 2. Thực hành

Tuỳ điều kiện dạy học cụ thể, GV chủ động, linh hoạt trong việc hướng dẫn HS tiếp tục thực hành theo nhóm ở trên lớp hoặc sau tiết học, cần tạo điều kiện để nhiều HS được tham gia các hoạt động nói và nghe.

VIII. HƯỚNG DẪN PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ

– Xem mục *Về đánh giá* trong *Phần một* (SGV Ngữ văn 6, tập một) và lưu ý thêm: SGK nêu trích đoạn ngữ liệu mới cho phần *Tự đánh giá* với hai mục đích: a) Cung cấp thêm cho HS một văn bản tương tự; b) Đưa ra một văn bản mới để HS vận dụng những điều đã học vào thực hiện ở bối cảnh mới nhằm đánh giá theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018. Thực chất, đây là đánh giá năng lực tự đọc hiểu của HS về một văn bản tương tự. HS làm ở nhà, nhưng nếu có thời gian, GV có thể cùng HS làm trên lớp để củng cố lại kỹ năng đọc hiểu truyện cổ tích.⁽¹⁾

– Gợi ý đáp án và trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK:

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	D	B	B	C	A	D	B

Câu 8. b, “Những anh lười biếng”.

(1) Phần hướng dẫn HS tự đánh giá ở các bài khác, GV tham khảo nội dung này.

MỤC LỤC

Trang

BÀI 6. TRUYỆN

I. Yêu cầu cần đạt	3
II. Kiến thức ngữ văn	4
III. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản	6
• <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> (Tô Hoài)	6
• <i>Ông lão đánh cá và con cá vàng</i> (Pu-skin)	12
IV. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt	15
V. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu	19
<i>Cô bé bán diêm</i> (An-đéc-xen)	19
VI. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết	22
<i>Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ</i>	22
VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe	25
<i>Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ</i>	25
VIII. Hướng dẫn phần Tự đánh giá	27

BÀI 7. THƠ

I. Yêu cầu cần đạt	28
II. Kiến thức ngữ văn	29
III. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản	29
• <i>Đêm nay Bác không ngủ</i> (Minh Huệ)	29
• <i>Lượm</i> (Tố Hữu)	35
IV. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt	40
V. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu	44
<i>Gấu con chân vòng kiềng</i> (U-xa-chốp)	44

VI. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết	46
<i>Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả</i>	46
VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe	47
<i>Trình bày ý kiến về một vấn đề</i>	47
VIII. Hướng dẫn phần Tự đánh giá	49
BÀI 8. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN	
I. Yêu cầu cần đạt	49
II. Kiến thức ngữ văn	50
III. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản	50
• <i>Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?</i> (Kim Hạnh Bảo – Trần Nghị Du)	50
• <i>Khan hiếm nước ngọt</i> (Theo Trịnh Văn)	54
IV. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt	57
V. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu	62
<i>Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?</i> (Theo Thuỳ Dương)	62
VI. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết	64
<i>Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống</i>	64
VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe	66
<i>Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống</i>	66
VIII. Hướng dẫn phần Tự đánh giá	66
BÀI 9. TRUYỆN	
I. Yêu cầu cần đạt	67
II. Kiến thức ngữ văn	68
III. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản	68
• <i>Bức tranh của em gái tôi</i> (Tạ Duy Anh)	68
• <i>Điều không tính trước</i> (Nguyễn Nhật Ánh)	73
IV. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt	77

V. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu	81
<i>Chích bông ơi!</i> (Cao Duy Sơn)	81
VI. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết	83
<i>Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt</i>	83
VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe	85
<i>Thảo luận nhóm về một vấn đề</i>	85
VIII. Hướng dẫn phần Tự đánh giá	85
BÀI 10. VĂN BẢN THÔNG TIN	
I. Yêu cầu cần đạt	86
II. Kiến thức ngữ văn	87
III. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản	88
• <i>Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng</i> (Theo Nguyệt Cát)	88
• <i>Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?</i> (Theo thethaovanhoa.vn)	92
IV. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt	95
V. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu	98
<i>Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”</i> (Theo khoa hoc.tv)	98
VI. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết	100
<i>Tóm tắt văn bản thông tin, Viết biên bản</i>	100
VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe	102
<i>Thảo luận nhóm về một vấn đề</i>	102
VIII. Hướng dẫn phần Tự đánh giá	103
ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II	103

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 301 303 - 39 381 382 - Fax: (028) 39 381 382

Email: nxb@hcmue.edu.vn

Website: <http://nxb.hcmue.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập
LÊ THANH HÀ

Biên tập:

NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ
LÊ THỊ BÍCH HẢO

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Thiết kế sách:

PHAN THU TRANG

Sửa bản in:

LÊ THỊ BÍCH HẢO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: **NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI**

*Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà AZ Lâm Viên Complex, 107A Nguyễn Phong Sắc,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.*

NGŨ VĂN 6, TẬP HAI SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

ISBN:

In ..., khổ 17 x 24cm, tại ...

Địa chỉ:

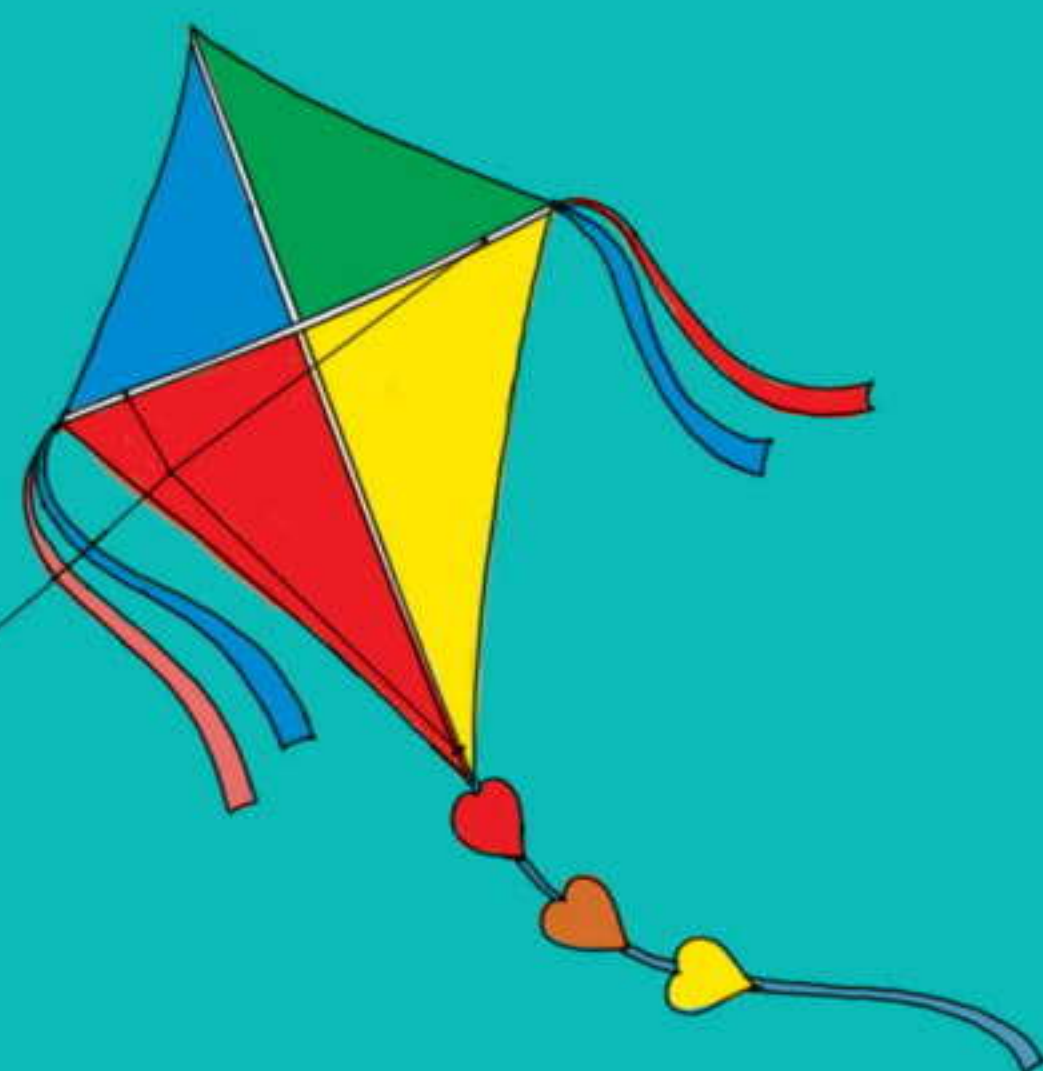
Cơ sở in:

Số xác nhận đăng kí xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6 Cánh Diều

1. Ngữ văn 6 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 6 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 6
4. Lịch sử và Địa lí 6
5. Khoa học tự nhiên 6
6. Công nghệ 6
7. Tin học 6
8. Giáo dục thể chất 6
9. Âm nhạc 6
10. Mỹ thuật 6
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
12. Tiếng Anh 6 Explore English

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 6 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



TEM CHỐNG GIẢ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập
trang web: <https://canhdiều.monkey.edu.vn>

ISBN: 978-604-309-562-3



9 786043 095623